

Số: 25/TB-VP

Hải Dương, ngày 09 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 của đơn vị dự toán Văn phòng HĐND & UBND phường Hải Dương

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 23/12/2026 của UBND phường Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Văn phòng HĐND & UBND phường Hải Dương thông báo thực hiện công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 (*Có mẫu biểu phụ lục đính kèm*), cụ thể:

+ **Hình thức công khai:** Niêm yết tại trụ sở làm việc UBND phường, trang tin điện tử, hệ thống loa truyền thanh phường...

+ **Thời gian công khai:** Từ ngày 09/7/2026 đến ngày 07/08/2026.

Vậy Văn phòng HĐND & UBND phường Hải Dương thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND phường;
- TT DVSNC phường;
- Lưu: VP.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Đình Hồng

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026 (Chi tiết)							
Đơn vị tính: 1000 đồng							
TT	NỘI DUNG CHI	Trong đó					
		Số người, số thôn	Hệ số	Định mức	Kế hoạch chi	Trong đó	
						Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ	Chi hoạt động
1	2	3	4	5	6 = 7 + 8	7	8
	TỔNG CỘNG				965.500	360.900	604.600
1	- Kinh phí hoạt động của Ban CTMT Tổ dân phố				177.000		177.000
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		4500	135.000		135.000
	+ Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		6000	42.000		42.000
	- Kinh phí Chi thực hiện "Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"				187.000	-	187.000
	Thôn, KDC có dưới 700 hộ dân và trên 1000 người	35		5000	175.000		175.000
	Thôn, KDC từ 700 đến dưới 900 hộ dân và trên 1000 người	2		6000	12.000		12.000
2	Đoàn thanh niên cộng sản HCM				177.000	106.200	70.800
	- Phụ cấp bí thư chi đoàn TDP				106.200	106.200	
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		225	81.000	81.000	
	+ Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		300	25.200	25.200	
	- Chi Hoạt động Chi Đoàn TDP	37			70.800		70.800
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		1800	54.000		54.000
	+ Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		2400	16.800		16.800
3	Hội liên hiệp phụ nữ				177.000	106.200	70.800
	- Phụ cấp Chi hội trưởng				106.200	106.200	
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		225	81.000	81.000	
	+ Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		300	25.200	25.200	

	- Chi Hoạt động Chi hội TDP	37			70.800		70.800
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		1800	54.000		54.000
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		2400	16.800		16.800
4	Hội nông dân				70.500	42.300	28.200
	- Phụ cấp Chi hội trưởng				42.300	42.300	
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,11,12,13,15,20)	9		225	24.300	24.300	
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,14)	5		300	18.000	18.000	
	- Chi Hoạt động Chi hội TDP	14			28.200		28.200
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,11,12,13,15,20)	9		1800	16.200		16.200
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,14)	5		2400	12.000		12.000
5	Hội cựu chiến binh				177.000	106.200	70.800
	- Phụ cấp Chi hội trưởng				106.200	106.200	
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		225	81.000	81.000	
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		300	25.200	25.200	
	- Chi Hoạt động Chi hội TDP	37			70.800		70.800
	+ Tổ dân phố có dân số dưới 500 hộ (TDP số 1,5,6,9,10,11,12,13,15,17,18,19,20,21,22,23,24, 25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37)	30		1800	54.000		54.000
	+Tổ dân phố có dân số trên 500 hộ (TDP 2,3,4,7,8,14,16)	7		2400	16.800		16.800